

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *118* /2025/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân bổ số lượng, phương thức quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Nghị định số 153/2025/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân bổ số lượng, phương thức quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định phân bổ số lượng, phương thức quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm b5 khoản 6 Điều 8, điểm đ khoản 2 Điều 14a, khoản 7 Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

b) Quyết định này không điều chỉnh đối với số lượng và phương thức quản lý xe ô tô quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP; số lượng và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy (trừ Đảng ủy xã).

c) Những nội dung không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP và các quy định của pháp luật hiện hành.



2. Đối tượng áp dụng

a) Văn phòng cấp tỉnh (trừ Văn phòng Tỉnh ủy); các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh (trừ các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy); Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung

Phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14a Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định việc áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của các đối tượng quy định tại điểm d, điểm h khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP; hình thức và công đoạn thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho chức danh; đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô áp dụng cho từng chức danh hoặc từng nhóm chức danh phù hợp với từng thời kỳ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định việc áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của các đối tượng quy định tại điểm e, điểm h khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP; hình thức và công đoạn thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho chức danh; đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô áp dụng cho từng chức danh hoặc từng nhóm chức danh phù hợp với từng thời kỳ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.
2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang Quy định số lượng, chủng loại xe ô tô

phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tiêu chuẩn, định mức giá mua xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và số thứ tự 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Bí thư Đảng ủy các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QL xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban ngành thuộc UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, CVNCTH (Tuân KTTH).

(Báo cáo);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc

PHỤ LỤC

PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số: *M8* /2025/QĐ-UBND ngày *31* tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Số TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng xe ô tô tối đa	Loại xe	Ghi chú
I	Khối Văn phòng cấp tỉnh	24		
1	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	12	Xe ô tô một cầu hoặc hai cầu (bao gồm xe ô tô bán tải), có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (Căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng xe thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị)	Trường hợp cần trang bị một số xe ô tô công suất lớn thực hiện nhiệm vụ đặc thù được trang bị 01 xe với mức giá tối đa 4.500 triệu đồng/xe và 02 xe với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng/xe
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	12		Trường hợp cần trang bị một số xe ô tô công suất lớn thực hiện nhiệm vụ đặc thù được trang bị 01 xe với mức giá tối đa 4.500 triệu đồng/xe và 02 xe với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng/xe
II	Các Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	187		
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	8	Xe ô tô một cầu hoặc hai cầu (bao gồm xe ô tô bán tải), có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (Căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng xe thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị)	
1.1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh) (Khối Văn phòng)	7		
1.2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Thanh Thiếu nhi	1		
2	Sở Nội vụ	8		
2.1	Sở Nội vụ (Khối Văn phòng)	5		
2.2	Ban Thi đua Khen thưởng	1		
2.3	Trung tâm Dịch vụ việc làm	1		
2.4	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	1		
3	Sở Tài chính	8		
3.1	Sở Tài chính (Khối Văn phòng)	7		
3.2	Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư	1		
4	Sở Ngoại vụ	3		
4.1	Sở Ngoại vụ (Khối Văn phòng)	3		
5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	27		
5.1	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Khối Văn phòng)	6		
5.2	Trung tâm Khoa học nông nghiệp và Môi trường	1		
5.3	Trung tâm Điều tra, Quy hoạch - Thiết kế nông lâm nghiệp	1		
5.4	Văn phòng điều phối Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang	1		
5.5	Chi cục Quản lý đất đai	1		
5.6	Chi cục Chăn nuôi Thú y và Thủy sản	1		
5.7	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1		
5.8	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý Chất lượng	2		

Số TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng xe ô tô tối đa	Loại xe	Ghi chú
5.9	Chi cục Thủy lợi	2	Xe ô tô một cầu hoặc hai cầu (bao gồm xe ô tô bán tải), có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (Căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng xe thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị)	
5.10	Chi cục Bảo vệ môi trường	1		
5.11	Chi cục Kiểm lâm	3		
5.12	Trung tâm Nước sạch nông thôn	2		
5.13	Trung tâm Khuyến nông	1		
5.14	Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng	1		
5.15	Ban quản lý Khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang	1		
5.16	Trung tâm Thủy sản	1		
5.17	Văn phòng Đăng Ký đất đai	1		
6	Sở Xây dựng	10		
6.1	Sở Xây dựng (Khối Văn phòng)	5		
6.3	Ban quản lý Bảo trì đường bộ	1		
6.4	Trung tâm quy hoạch xây dựng	1		
6.5	Trung tâm Kiểm định chất lượng	1		
6.6	Trung tâm đào tạo và Đăng kiểm xe cơ giới	2		
7	Ban An toàn giao thông (Khối Văn phòng)	1		
8	Sở Tư pháp	6		
8.1	Sở Tư pháp (Khối Văn phòng)	3		
8.2	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 1	1		
8.3	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	1		
8.4	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước số 2	1		
9	Sở Công thương	7		
9.1	Sở Công thương (Khối Văn phòng)	4		
9.2	Chi Cục quản lý thị trường	2		
9.3	Trung Tâm khuyến công - Xúc tiến công thương	1		
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	15		
10.1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Khối Văn phòng)	5		
10.2	Bảo tàng tỉnh	2		
10.3	Thư viện tỉnh	1		
10.4	Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh	2		
10.5	Trung Tâm huấn luyện và Thi đấu thể thao	1		
10.6	Đoàn nghệ thuật dân tộc tỉnh	1		
10.7	Trung Tâm xúc tiến du lịch	1		
10.8	Ban quản lý Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đổng Văn	1		
10.9	Bảo tàng ATK Tân Trào	1		
11	Sở Khoa học và Công nghệ	7		
11.1	Sở Khoa học và Công nghệ (Khối Văn phòng)	6		
11.2	Trung tâm Chuyển đổi số	1		
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	25		
12.1	Sở Giáo dục và Đào tạo (Khối Văn phòng)	6		

Số TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng xe ô tô tối đa	Loại xe	Ghi chú
12.2	Trường Trung học phổ thông Chuyên Tuyên Quang	1	Xe ô tô một cầu hoặc hai cầu (bao gồm xe ô tô bán tải), có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (Căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng xe thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị)	
12.3	Trường Trung học phổ thông Chuyên Hà Giang	1		
12.4	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông tỉnh Tuyên Quang	1		
12.5	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Hà Giang	1		
12.6	Trường Trung cấp Dân tộc nội trú - Giáo dục thường xuyên Bắc Quang	1		
12.7	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đồng Văn	1		
12.8	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Mèo Vạc	1		
12.9	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Xín Mần	1		
12.10	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Yên Minh	1		
12.11	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Quàn Ba	1		
12.12	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bắc Mê	1		
12.13	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vị Xuyên	1		
12.14	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bắc Quang	1		
12.15	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Quang Bình	1		
12.16	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hoàng Su Phì	1		
12.17	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Na Hang	1		
12.18	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hàm Yên	1		
12.19	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Chiêm Hoá	1		
12.20	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Lâm bình	1		
12.21	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú ATK Sơn Dương	1		
13	Sở Y tế	23		
13.1	Sở Y tế (Khối Văn phòng)	7		
13.2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	3		
13.3	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	1		
13.4	Trung tâm Giám định Y khoa và Pháp Y	1		
13.5	Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng người tâm thần	1		
13.6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	1		
13.7	Bệnh viện đa khoa Hà Giang	1		
13.8	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Tuyên Quang	1		
13.9	Bệnh viện Y dược cổ truyền Hà Giang	1		
13.10	Bệnh viện Phổi tỉnh Tuyên Quang	1		
13.11	Bệnh viện Phổi Hà Giang	1		
13.12	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen	1		
13.13	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Giang	1		
13.14	Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm	1		
13.15	Bệnh viện Mắt Hà Giang	1		

Số TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng xe ô tô tối đa	Loại xe	Ghi chú
14	Sở Dân tộc và Tôn giáo	4	Xe ô tô một cầu hoặc hai cầu (bao gồm xe ô tô bán tải), có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (Căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng xe thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị)	
15	Thanh tra tỉnh	6		
16	Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh Tuyên Quang	5		
16.1	Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh Tuyên Quang (khối văn phòng)	4		
16.2	Trung tâm Dịch vụ các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh Tuyên Quang	1		
17	Trung Tâm phát triển quỹ đất tỉnh	2		
18	Trường Đại học Tân Trào	2		
19	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang	2		
20	Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Hà Giang	2		
21	Ban Di dân, Tái định cư Thủy điện Tuyên Quang	1		
22	Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	1		
23	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang (Khối Văn phòng)	4		
24	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình số 01 tỉnh Tuyên Quang (Khối Văn phòng)	10		
III	Cấp xã, phường (124 xã, phường)	248		
1	Ủy ban nhân dân xã, phường	1		
2	Đảng ủy xã, phường	1		